

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025
quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực
quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ

(Tiếp theo Công báo số 823 + 824)

Phụ lục II.6
MẪU BIỂU VỀ CẤP CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN
(Kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu 01	Đơn đăng ký dự thi vô tuyến điện nghiệp dư và cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư
Mẫu 02	Đơn đề nghị cấp đổi chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư
Mẫu 03	Đơn đề nghị gia hạn/cấp đổi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải
Mẫu 04	Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư
Mẫu 05	Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hệ gmdss hạng hạn chế
Mẫu 06	Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hệ gmdss hạng tổng quát
Mẫu 07	Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hệ gmdss hạng hai
Mẫu 08	Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hệ gmdss hạng nhất

Mẫu 01: Mẫu đơn đăng ký dự thi vô tuyến điện nghiệp dư và cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ**
VÀ CẤP CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ

Kính gửi:.....(1).....

Họ và tên (*chữ in hoa*):..... Nam/Nữ:.....

Sinh ngày:..... Nơi sinh:.....

Quốc tịch:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Đề nghị được dự thi vô tuyến điện nghiệp dư và cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp...(2).....

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

(1): Ghi tên của tổ chức đã được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

(2): Ghi cấp độ chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đề nghị cấp.

Mẫu 02: Mẫu đơn đề nghị cấp đổi chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ**

Kính gửi:.....(1).....

Họ và tên (*chữ in hoa*):..... Nam/Nữ:.....

Sinh ngày:..... Nơi sinh:.....

Quốc tịch:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Đề nghị.....(2)..... cấp đổi cho tôi chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư số.....(3)..... ngày cấp.....

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị
(Ký và ghi rõ họ tên)**Hướng dẫn:**

(1) và (2): Ghi tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư.

(3): Ghi số chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư đề nghị cấp đổi.

Mẫu 03: Mẫu đơn đề nghị gia hạn/cấp đổi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/CẤP ĐỔI CHỨNG CHỈ**
VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI

Kính gửi:.....(1).....

Họ và tên (*chữ in hoa*):.....

Ngày sinh:..... Nơi sinh:.....

Số chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải..... ngày cấp..... ngày hết hạn.....

Số thuyền viên số:..... ngày cấp..... nơi cấp.....

Đề nghị.....(2)..... gia hạn/cấp đổi cho tôi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải số.....(3)..... ngày cấp.....

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị*(Ký và ghi rõ họ tên)***Hướng dẫn:**

(1) và (2): Ghi tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải.

(3): Ghi số chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải đề nghị gia hạn/cấp đổi.

Mẫu 04: Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư**MẪU CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ**

Mặt ngoài:
(Kích thước 8,5 cm x 14 cm)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ**

CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ

Cấp theo quy định tại Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày....
tháng.... năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học
và Công nghệ

Mặt trong:
(Kích thước 8,5 cm x 14 cm)

CỘNG HÒA HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ
Số:.....

(ảnh 3 x 4)

Cấp cho ông (bà):.....

Sinh ngày:.....

Nơi sinh:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu.....

Đã hoàn thành kỳ thi lý thuyết và thi thực hành vô tuyến điện nghiệp dư cấp...tại (tên tổ chức đã được Ủy ban nhân dân tỉnh... cấp Giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư)

Đạt chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư cấp.....

Theo Quyết định số:..... ngày.... tháng... năm.....

...., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐƯNG ĐẦU TỔ CHỨC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 05: Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hạng hạn chế**MẪU CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN
HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG HẠN CHẾ**

Mặt ngoài:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

**CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS
HẠNG HẠN CHẾ
RESTRICTED OPERATOR'S CERTIFICATE**

**Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu
chuẩn huấn luyện, Cấp chứng chỉ và Trục ca
đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010**

**Issued under the provisions of the International
Convention on Standards of Training, Certification
and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended
in 2010**

Mặt trong:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG HẠN CHẾ Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trục ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010 RESTRICTED OPERATOR'S CERTIFICATE Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010 (ảnh 3x4) Chữ ký của người được cấp giấy chứng chỉ <i>Holder's Signature:</i>	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (1)..... CHỨNG NHẬN(2)..... CERTIFIES THAT Họ và tên: Quốc tịch: <i>Full Name Nationality</i> Sinh ngày: Tại <i>Date of birth Place of birth</i> Đã tốt nghiệp khóa đào tạo Vô tuyến điện viên hàng hải hạng hạn chế về hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu, có đủ khả năng chuyên môn thực hiện chức danh Vô tuyến điện viên hàng hải hạng hạn chế trên các đài tàu biển được trang bị thiết bị của hệ GMDSS. <i>Had passed the examination of the Restricted Operator's Certificate Training course for Global Maritime Distress and Safety System (GMDSS) and has all required qualifications as a Restricted operator on the ship Radio Station fitted for the GMDSS.</i> Giấy chứng chỉ số: cấp ngày: <i>Certificate No. issued on:</i> Có giá trị đến ngày: <i>Valid until</i> HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC THE RECTOR/THE DIRECTOR
--	---

Hướng dẫn:

(1): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Việt.

(2): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Anh.

Mẫu 06: Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hạng tổng quát**MẪU CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI
HỆ GMDSS HẠNG TỔNG QUÁT**

Mặt ngoài:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

**CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS
HẠNG TỔNG QUÁT**

GENERAL OPERATOR'S CERTIFICATE

**Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn
huấn luyện, Cấp chứng chỉ và Trục ca đối với
Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010**

**Issued under the provisions of the International
Convention on Standards of Training, Certification and
Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010**

Mặt trong:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG TỔNG QUÁT Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trực ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010 GENERAL OPERATOR'S CERTIFICATE Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010 (ảnh 3x4) Chữ ký của người được cấp giấy chứng chỉ <i>Holder's Signature:</i>	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (1)..... CHỨNG NHẬN(2)..... CERTIFIES THAT Họ và tên: Quốc tịch: <i>Full Name Nationality</i> Sinh ngày: tại <i>Date of birth Place of birth</i> Đã tốt nghiệp khóa đào tạo Vô tuyến điện viên hàng hải hạng tổng quát về hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu, có đủ khả năng chuyên môn thực hiện chức danh Vô tuyến điện viên hàng hải hạng tổng quát trên các đài tàu biển được trang bị thiết bị của hệ GMDSS. <i>Had passed the examination of the General Operator's Certificate Training course for Global Maritime Distress and Safety System (GMDSS) and has all required qualifications as a General operator on the ship Radio Station fitted for the GMDSS.</i> Giấy chứng chỉ số: cấp ngày: <i>Certificate No. issued on:</i> Có giá trị đến ngày: <i>Valid until</i> HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC THE RECTOR/THE DIRECTOR
--	---

Hướng dẫn:

(1): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Việt.

(2): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Anh.

Mẫu 07: Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hạng hai**MẪU CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN
HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG HAI**

Mặt ngoài:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

**CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS
HẠNG HAI
SECOND-CLASS RADIO ELECTRONIC
CERTIFICATE**

**Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn
huấn luyện, Cấp chứng chỉ và Trục ca đối với
Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010**

**Issued under the provisions of the International
Convention on Standards of Training, Certification and
Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended
in 2010**

Mặt trong:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG HAI Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trục ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010 SECOND-CLASS RADIO ELECTRONIC CERTIFICATE Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc (1)..... CHỨNG NHẬN(2)..... CERTIFIES THAT Họ và tên: Quốc tịch: <i>Full Name</i> <i>Nationality</i> Sinh ngày: tại <i>Date of birth</i> <i>Place of birth</i> Đã tốt nghiệp khóa đào tạo Vô tuyến điện viên hàng hải hạng hai về hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu, có đủ khả năng chuyên môn thực hiện chức danh Vô tuyến điện viên hàng hải hạng hai trên các đài tàu biển được trang bị thiết bị của hệ GMDSS. <i>Had passed the examination of the Second - class Radio electronic Certificate Training course for Global Maritime Distress and Safety System (GMDSS) and has all required qualifications as a Second - class Radio electronic on the ship Radio Station fitted for the GMDSS.</i> Giấy chứng chỉ số: cấp ngày:..... <i>Certificate No.</i> <i>issued on:</i> Có giá trị đến ngày:..... <i>Valid until</i>
(ảnh 3x4) Chữ ký của người được cấp giấy chứng chỉ <i>Holder's Signature:</i>	HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC THE RECTOR/THE DIRECTOR

Hướng dẫn:

(1): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Việt.

(2): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Anh.

Mẫu 08: Mẫu chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải hạng nhất**MẪU CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN
HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG NHẤT**

Mặt ngoài:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

**CHỨNG CHỈ
VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS
HẠNG NHẤT
FIRST-CLASS RADIO ELECTRONIC
CERTIFICATE**

**Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn
huấn luyện, Cấp chứng chỉ và Trục ca
đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010**

**Issued under the provisions of the International
Convention on Standards of Training, Certification
and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended
in 2010**

Mặt trong:
(Kích thước 14 cm x 20 cm)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
.....(1)..... CHỨNG NHẬN(2)..... CERTIFIES THAT	
CHỨNG CHỈ VÔ TUYẾN ĐIỆN VIÊN HÀNG HẢI HỆ GMDSS HẠNG NHẤT Cấp theo quy định của Công ước Quốc tế về Tiêu chuẩn huấn luyện, Cấp giấy chứng nhận và Trục ca đối với Thuyền viên, 1978, sửa đổi 2010	Họ và tên: Quốc tịch: <i>Full Name</i> <i>Nationality</i> Sinh ngày: tại <i>Date of birth</i> <i>Place of birth</i>
FIRST-CLASS RADIO ELECTRONIC CERTIFICATE Issued under the provisions of the International Convention on Standards of Training, Certification and Watchkeeping for Seafarers, 1978, as amended in 2010	Đã tốt nghiệp khóa đào tạo Vô tuyến điện viên hàng hải hạng nhất về hệ thống an toàn và cấp cứu hàng hải toàn cầu, có đủ khả năng chuyên môn thực hiện chức danh Vô tuyến điện viên hàng hải hạng nhất trên các đài tàu biển được trang bị thiết bị của hệ GMDSS. <i>Had passed the examination of the First - class Radio electronic Certificate Training course for Global Maritime Distress and Safety System (GMDSS) and has all required qualifications as a First - class Radio electronic on the ship Radio Station fitted for the GMDSS.</i>
(ảnh 3x4)	Giấy chứng chỉ số: cấp ngày: <i>Certificate No.</i> <i>issued on:</i> Có giá trị đến ngày: <i>Valid until</i>
Chữ ký của người được cấp giấy chứng chỉ <i>Holder's Signature:</i>	HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC THE RECTOR/THE DIRECTOR

Hướng dẫn:

(1): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Việt.

(2): Ghi chữ in hoa tên tổ chức được cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải bằng tiếng Anh.

Phụ lục III.1**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

*(Kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

I. Cách thức nộp đơn trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam.

2. Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam.

3. Đơn được nộp dưới hình thức văn bản ở dạng giấy hoặc dạng điện tử theo hệ thống nộp đơn trực tuyến.

II. Trình tự, thủ tục liên quan đến quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp**1. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

a) Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

b) Hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp gồm 01 bộ tài liệu như sau:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này;

b2) Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b3) 01 ảnh 3 x 4 (cm);

b4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).

c) Hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý theo trình tự sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số căn cước công dân, số Chứng chỉ và lĩnh vực hành nghề của người được cấp chứng chỉ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp.

c2) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

c3) Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c2 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c4) Trường hợp người nộp đơn nộp hồ sơ yêu cầu cấp/cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến các cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp/cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

đ) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được làm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục này.

2. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

a) Người đại diện sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a1) Thông tin trong Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c1 khoản 1 Mục này đã có sự thay đổi;

a2) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi hoặc bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ, v.v...) đến mức không sử dụng được;

a3) Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề do không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm 01 bộ tài liệu như sau:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 03 tại Phụ lục này;

b2) 01 ảnh 3 x 4 (cm);

b3) Tài liệu chứng minh đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với trường hợp quy định tại điểm a3 khoản này;

b4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ theo trình tự như thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Mục này.

d) Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị lỗi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gây ra (thông tin trên Chứng chỉ hành nghề không chính xác so thông tin trong hồ sơ nộp vào, lỗi đóng dấu v.v.) thì cơ quan này có trách nhiệm cấp lại Chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Chứng chỉ, không thu phí khi cấp lại Chứng chỉ.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

a) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ;

a2) Người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu cấp/cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến các cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm, trong trường hợp được cấp/cấp lại Chứng chỉ nhiều hơn 01 lần (do các cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp), mọi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đều sẽ bị thu hồi.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp nếu có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Tổ chức, cá nhân yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp phải nộp 01 bộ tài liệu như sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

c2) Tài liệu chứng minh căn cứ thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

d) Trình tự thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề hoặc quyết định từ chối thu hồi Chứng chỉ hành nghề và gửi cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2, 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ và điểm a3 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp hoặc thông báo không thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người được cấp;

d3) Trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

d4) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin về quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định để cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định.

d5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

4. Trình tự, thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

a) Tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu ghi nhận là tổ chức kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp. Chi nhánh và các đơn vị phụ thuộc khác của các tổ chức có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ chỉ được kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp dưới danh nghĩa của tổ chức mà mình phụ thuộc.

b) Tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ nộp 01 bộ hồ sơ sau đây cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được ghi nhận:

b1) Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục này, trong đó điền đầy đủ thông tin về tổ chức và thông tin về người đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của tổ chức;

b2) Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đối với người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Mục này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

5. Trình tự, thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp

Việc ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cá nhân đủ điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận là người đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Sở hữu trí tuệ, quy định tại khoản này và phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

b) Hồ sơ yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh do cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ đứng tên, gồm 01 bộ tài liệu như sau:

b1) Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 05 tại Phụ lục này, trong đó điền đầy đủ thông tin về cá nhân và tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp nơi cá nhân hành nghề;

b2) Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với cá nhân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ).

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Mục này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để cơ quan nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp cập nhật thông tin vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

6. Trình tự, thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Việc ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận các thay đổi liên quan đến thông tin đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp (bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt, địa chỉ của tổ chức, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, họ tên và số Chứng chỉ của người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức) theo quy định tại điểm này và phải nộp phí, lệ phí theo quy định.

b) Hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp nộp đến Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp làm theo Mẫu số 06 tại Phụ lục này;

b2) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Mã số doanh nghiệp đã được khai trong Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ).

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Mục này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

7. Trình tự, thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Việc xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp làm thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a1) Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

a2) Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 154 Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp nộp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp làm theo Mẫu 07 tại Phụ lục này;

b2) Tài liệu chứng minh tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)).

b4) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành các nghĩa vụ với khách hàng.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.

c2) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

c3) Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c2 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

8. Trình tự, thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp

Việc xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Người đại diện sở hữu công nghiệp phải làm thủ tục xóa tên trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp khi không còn đáp ứng điều kiện hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ.

b) Hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp làm theo Mẫu số 08 tại Phụ lục này;

b2) Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ (quyết định chấm dứt hợp đồng lao động hoặc các tài liệu khác);

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ));

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại điểm c khoản 7 Mục này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ Đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về việc xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

9. Trình tự, thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp

a) Cá nhân nộp đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự kiểm tra cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 63 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

b) Hồ sơ đăng ký dự kiểm tra được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý theo quy định tại khoản 8 Điều 63 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP

III. Trình tự, thủ tục hành chính liên quan đến quản lý hoạt động giám định sở hữu công nghiệp**1. Trình tự, thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp**

Việc cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ thì được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mới một lần duy nhất Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp nếu có yêu cầu và nộp phí, lệ phí theo quy định. Các điều kiện để được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:

a1) Điều kiện “Thường trú tại Việt Nam” được hiểu là có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về cư trú;

a2) Điều kiện “Có phẩm chất đạo đức tốt” được hiểu là không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

a3) Điều kiện “Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên” được hiểu là có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác;

a4) Điều kiện “Đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp Thẻ giám định viên từ 05 năm trở lên” được hiểu là đã trực tiếp làm công tác

giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hóa) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên.

b) Hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 10 tại Phụ lục này;

b2) 01 ảnh 3 x 4 (cm);

b3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)).

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

c1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân, số Thẻ giám định và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người nộp hồ sơ, đồng thời gửi đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp theo quy định;

c2) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong

đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối;

c3) Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c2 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối chấp cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c4) Trường hợp người nộp đơn nộp hồ sơ yêu cầu cấp/cấp lại thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp đến các cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp/cấp lại thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối;

c5) Thẻ giám định viên được làm theo Mẫu số 11 tại Phụ lục này.

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về quyết định cấp thẻ Giám định viên về sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

a) Cá nhân có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trong trường hợp sau đây:

a1) Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ, v.v.) đến mức không sử dụng được;

a2) Thông tin được ghi nhận trong Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c1 khoản 1 Mục này có sự thay đổi.

b) Giám định viên có nghĩa vụ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp để ghi nhận lại các thay đổi nêu tại điểm a2 khoản này;

c) Hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên, làm theo Mẫu số 12 tại Phụ lục này;

c2) 01 ảnh 3 x 4 (cm);

c3) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí theo quy định (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ));

d) Việc xử lý hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo trình tự như đối với thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục này và gửi quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về quyết định cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định;

3. Trình tự, thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

Việc thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

a) Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a1) Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;

a2) Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ;

a3) Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;

a4) Cá nhân được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

a5) Cá nhân nộp hồ sơ yêu cầu cấp/cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến các cơ quan có thẩm quyền cấp cùng một thời điểm, trong trường hợp được cấp/cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp nhiều hơn 01 lần (do các cơ quan có thẩm quyền khác nhau cấp) các Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cấp sau (thẻ đầu tiên) sẽ bị thu hồi.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động hoặc theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thu hồi nếu có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

c) Hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm 01 bộ tài liệu sau:

c1) Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

c2) Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

d) Trình tự thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp được thực hiện như sau:

d1) Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho các bên;

d2) Trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 Luật Sở hữu trí tuệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo bằng văn bản về dự định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp Thẻ giám

định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phản hồi thông báo của người được cấp Chứng chỉ hành nghề nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc thông báo không thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho người được cấp;

d3) Trường hợp cá nhân bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định nói trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

d4) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp để ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố thông tin về quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ra quyết định.

4. Trình tự, thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp

a) Cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 108 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP thì được đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp. Hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm 01 bộ tài liệu theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 108 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý hồ sơ theo quy định sau đây:

b1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra đã được ấn định hoặc chưa được ấn định vì chưa đủ số người đăng ký tham dự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định này;

b2) Trường hợp hồ sơ có thiếu sót, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người đăng ký dự kiểm tra sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.

b3) Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm b2 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

IV. Trình tự, thủ tục liên quan đến Văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

1. Trình tự, thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ

Chủ văn bằng bảo hộ yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, văn bằng bảo hộ sẽ chỉ được cấp/cấp lại cho người đầu tiên trong danh sách những người nộp đơn chung. Các đồng chủ văn bằng bảo hộ khác có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phó bản văn bằng bảo hộ trong trường hợp chưa yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ tại thời điểm nộp đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, với điều kiện phải nộp phí, lệ phí theo quy định;

b) Trường hợp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được dấu niêm phong, chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí, lệ phí tương ứng;

c) Yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp đã được thể hiện trong tờ khai đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp. Đơn yêu cầu bao gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

c1) Tờ khai yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ được làm theo Mẫu số 13 tại Phụ lục này;

c2) 02 mẫu nhãn hiệu, 01 bộ ảnh chụp hoặc 01 bộ bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trùng với mẫu nhãn hiệu, bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trong văn bằng bảo hộ gốc;

c3) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

c4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với phí/lệ phí yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ) và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố));

d) Xử lý yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ:

d1) Trường hợp yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đáp ứng các quy định tại điểm a, b và c khoản này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ;

d2) Nội dung phó bản văn bằng bảo hộ thể hiện đầy đủ các thông tin của văn bằng bảo hộ tương ứng và phải kèm theo chỉ dẫn “Phó bản”. Nội dung bản cấp lại của văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ thể hiện đầy đủ các thông tin của văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ cấp lần đầu và phải kèm theo chỉ dẫn “Bản cấp lại”. Phó bản, bản cấp lại của văn bằng bảo hộ được làm theo mẫu số 18, 19, 20, 21, 22 của Phụ lục này phù hợp với loại văn bằng bảo hộ tương ứng. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin về quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định để cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp công bố việc cấp

lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ trên Công báo Sở hữu công nghiệp và ghi nhận vào mục đăng bạ của văn bằng bảo hộ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định;

d3) Trường hợp yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ không đáp ứng quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận yêu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo và ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.

d4) Trường hợp chủ văn bằng bảo hộ không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm d3 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

2. Trình tự, thủ tục xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

a) Tổ chức, cá nhân nộp đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (sau đây gọi là người nộp đơn) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải gồm các tài liệu sau đây:

a1) Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 14 tại Phụ lục này;

a2) 02 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; nếu hợp đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;

a3) Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu về việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, nếu quyền sở hữu công nghiệp tương ứng thuộc sở hữu chung;

a4) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

a5) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (phí thẩm định và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng) và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và phí công bố)).

b) Trong trường hợp đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không có các thiếu sót nêu tại điểm d khoản này, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các công việc sau đây:

b1) Ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

b2) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cho người nộp đơn; đóng dấu đăng ký vào 02 bản hợp đồng và trao người nộp đơn 01 bản, lưu 01 bản;

b3) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin về quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định để cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và thực hiện công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

c) Trong trường hợp đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thiếu sót theo quy định tại điểm d khoản này, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục sau đây:

c1) Ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ các thiếu sót của đơn, ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ký thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

c2) Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c1 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối đăng ký hợp đồng, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

d) Đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị coi là có thiếu sót nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

d1) Tờ khai không hợp lệ;

d2) Thiếu một trong các tài liệu trong danh mục tài liệu phải có;

d3) Văn bản ủy quyền không hợp lệ;

d4) Bản sao hợp đồng không được xác nhận hợp lệ;

d5) Tên, địa chỉ của bên chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với các thông tin tương ứng trong văn bằng bảo hộ hoặc trong hợp đồng là căn cứ phát sinh quyền chuyển giao, văn bản ủy quyền, tờ khai; tên, địa chỉ của bên được chuyển giao trong hợp đồng không phù hợp với tên, địa chỉ ghi trong văn bản ủy quyền, tờ khai;

d6) Hợp đồng không có đủ chữ ký (và con dấu, nếu có) của bên chuyển quyền và bên được chuyển quyền;

d7) Bên chuyển quyền không phải là chủ văn bằng bảo hộ;

d8) Đối tượng sở hữu công nghiệp liên quan không còn trong thời hạn hiệu lực bảo hộ hoặc đang có tranh chấp;

d9) Hợp đồng chuyển quyền thiếu các nội dung phải có theo quy định tương ứng tại khoản 1 Điều 144 Luật Sở hữu trí tuệ;

d10) Hợp đồng có nội dung không phù hợp với quy định về các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Sở hữu trí tuệ;

đ) Sau khi đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được nộp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các bên có tranh chấp liên

quan đến hợp đồng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạm dừng xem xét hồ sơ cho đến khi các bên giải quyết được tranh chấp và nộp tài liệu chứng minh đã giải quyết được tranh chấp thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục xem xét hồ sơ theo quy định.

e) Trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ghi nhận hoặc từ chối ghi nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, một trong các bên muốn rút đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thì phải có ý kiến đồng thuận của cả hai bên về việc rút đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã nộp, trừ trường hợp rút đơn do không thể khắc phục được các thiếu sót theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

a) Việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã đăng ký đều phải được ghi nhận theo quy định tại Điều này.

b) Tổ chức, cá nhân nộp đơn yêu cầu ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng (sau đây gọi là người nộp đơn) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định như sau:

b1) Đơn yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải làm thành văn bản gồm các tài liệu sau đây:

(i) Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, làm theo Mẫu số 15 tại Phụ lục này;

(ii) Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp đăng ký sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực của hợp đồng);

(iii) Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng;

(iv) Thỏa thuận, tài liệu ghi nhận về những điều khoản cụ thể cần sửa đổi, bổ sung trong hợp đồng, kể cả việc gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trước thời hạn;

(v) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

(vi) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (phí thẩm định yêu cầu sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp) và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)).

b2) Đơn yêu cầu gia hạn hợp đồng phải được nộp trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc thời hạn hợp đồng ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét đơn theo quy định sau đây:

c1) Trong trường hợp đơn hợp lệ, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp; ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin về quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định để cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp; công bố các

quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp;

c2) Trong trường hợp đơn có thiếu sót, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ các thiếu sót của đơn và ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo dự định từ chối để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng.

c3) Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c2 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

4. Trình tự, thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

a) Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là người nộp đơn) được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau đây:

a1) Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được cấp cho người nộp đơn (tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển quyền sử dụng). Bên còn lại có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, với điều kiện phải nộp phí, lệ phí theo quy định;

a2) Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai

mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được dấu niêm phong, tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận, với điều kiện phải nộp phí tương ứng.

b) Đơn yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp đã được thể hiện trong tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, bao gồm 01 bộ tài liệu sau đây:

b1) Tờ khai yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được làm theo Mẫu số 13 tại Phụ lục này;

b2) 01 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; nếu hợp đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;

b3) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

b4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (phí yêu cầu cấp lại/cấp phó bản) và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)).

c) Đơn yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp được xử lý như sau:

c1) Trường hợp đơn yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đáp ứng các quy định tại điểm a, b và c khoản này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, quyết định cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

c2) Nội dung phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thể hiện đầy đủ các thông tin của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tương ứng và phải kèm theo chỉ dẫn “Phó bản”. Nội dung bản cấp lại của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thể hiện đầy đủ các thông tin của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp cấp lần đầu và phải kèm theo chỉ dẫn “Bản cấp lại”. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi thông tin quyết định đến cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp trong thời hạn 10 ngày để ghi nhận vào mục đăng bạ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và thực hiện công bố việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử

dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo Sở hữu công nghiệp;

c3) Trường hợp yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng quy định tại điểm c khoản này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo và ấn định thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối.

c4) Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc không có ý kiến phản đối hoặc sửa chữa thiếu sót/phản đối không đạt yêu cầu, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu tại điểm c3 khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

V. Trình tự, thủ tục liên quan đến chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc

1. Trình tự, thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế (trong trường hợp người nắm độc quyền không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế, bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh hoặc người có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng)

a) Tổ chức, cá nhân nộp đơn yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế (sau đây gọi là người nộp đơn) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm các tài liệu sau đây:

a1) Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, làm theo Mẫu số 16 tại Phụ lục này;

a2) Tài liệu chứng minh yêu cầu ra quyết định buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế là có căn cứ xác đáng theo quy định của pháp luật được quy định cụ thể tại các điểm b, c và d khoản này;

a3) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

a4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và thẩm định đơn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và phí công bố)).

b) Trường hợp yêu cầu ra quyết định buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm b khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn phải có tài liệu chứng minh người nắm giữ độc quyền sáng chế đã không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế quy định tại khoản 1 Điều 136 và khoản 5 Điều 142 Luật Sở hữu trí tuệ và tại thời điểm nộp hồ sơ đã kết thúc thời hạn 04 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế và kết thúc thời hạn 03 năm kể từ ngày sáng chế được cấp bằng độc quyền.

c) Trường hợp yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, đơn phải có tài liệu chứng minh rằng người nộp đơn có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng, trong đó, phải nêu rõ nhu cầu sử dụng sáng chế, thời gian đã tiến hành thương lượng, mức giá và các điều kiện thương mại cụ thể mà người có nhu cầu sử dụng sáng chế đã đề xuất.

d) Trường hợp yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở quy định tại điểm d khoản 1 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ,

đơn phải có tài liệu chứng minh rằng người nắm độc quyền sử dụng sáng chế đã thực hiện hành vi bị coi là hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.

đ) Đơn yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế được xử lý trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ theo quy định sau đây:

đ1) Trường hợp hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đơn, cơ quan thẩm định hồ sơ phải ra thông báo về yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho người nắm giữ độc quyền sử dụng sáng chế và yêu cầu người đó có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo; yêu cầu các bên liên quan thương lượng lại nhằm khắc phục các bất đồng để ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, nếu xét thấy cần thiết; trong trường hợp không đạt được sự thỏa thuận giữa các bên và nếu xét thấy việc không chấp nhận ký kết hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng sáng chế của bên nắm giữ quyền là không hợp lý thì báo cáo kết quả xem xét đơn và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

đ2) Trường hợp yêu cầu ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng theo quy định tại Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan thẩm định đơn báo cáo kết quả xem xét hồ sơ và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối, có nêu rõ lý do từ chối và ấn định thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ có ý kiến về dự định từ chối.

Thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót của đơn hoặc có ý kiến phản đối không tính vào thời hạn xem xét hồ sơ.

e) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xem xét đơn của cơ quan thẩm định hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, hoặc gửi cho người nộp đơn thông báo từ chối buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

g) Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, người nắm độc quyền sử dụng sáng chế và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

h) Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận quyết định vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp trong thời hạn 30 ngày và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định.

2. Trình tự, thủ tục chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc

a) Việc chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đã ra quyết định bắt buộc chuyển giao, quyết định.

b) Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 145 Luật Sở hữu trí tuệ nộp đơn yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gồm các tài liệu sau đây:

b1) Văn bản yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;

b2) Tài liệu chứng minh căn cứ dẫn đến việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc không còn tồn tại và không có khả năng tái xuất hiện, đồng thời việc chấm dứt sử dụng sáng chế không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;

b3) Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

b4) Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và thẩm định đơn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và phí công bố)).

c) Thủ tục tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quy định bắt buộc và ra quyết định chấm dứt được thực hiện như đối với thủ tục tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc quy định tại khoản 1 Mục này.

Phụ lục III.2
YÊU CẦU VỀ TỜ KHAI, CÁC MẪU
TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
(Kèm theo Nghị định số 133/2025/NĐ-CP
ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

I. Yêu cầu chung

Người nộp đơn phải điền đầy đủ các thông tin theo yêu cầu vào những chỗ thích hợp trong Tờ khai.

II. Yêu cầu chung về hình thức của tài liệu nộp kèm theo Tờ khai

1. Mọi tài liệu của đơn đều phải được trình bày theo chiều dọc (riêng hình vẽ, sơ đồ và bảng biểu có thể được trình bày theo chiều ngang) trên một mặt giấy khổ A4 (210mm x 297mm), trong đó có chừa lề theo bốn phía, mỗi lề rộng 20mm, theo phong chữ Times New Roman, chữ không nhỏ hơn cỡ 13, trừ các tài liệu bổ trợ mà nguồn gốc tài liệu đó không nhằm để đưa vào đơn.

2. Mỗi loại tài liệu trừ bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp, nếu bao gồm nhiều trang thì mỗi trang phải ghi số thứ tự trang đó bằng chữ số Ả-rập.

3. Tài liệu phải được đánh máy hoặc in bằng loại mực khó phai mờ, một cách rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, không sửa chữa; trường hợp đơn được nộp trực tiếp, nếu tài liệu có từ 02 trang trở lên cần được đóng dấu giáp lai của người nộp đơn/cơ quan ban hành tài liệu (nếu có); trường hợp phát hiện có sai sót không đáng kể thuộc về lỗi chính tả trong tài liệu đã nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thì người nộp đơn có thể sửa chữa các lỗi đó, nhưng tại chỗ bị sửa chữa phải có chữ ký xác nhận (và đóng dấu, nếu có) của người nộp đơn.

4. Thuật ngữ dùng trong đơn phải thống nhất và là thuật ngữ phổ thông (không dùng tiếng địa phương, từ hiếm, từ tự tạo). Ký hiệu, đơn vị đo lường, phong chữ điện tử, quy tắc chính tả dùng trong đơn phải theo tiêu chuẩn Việt Nam.

5. Đối với tài liệu cần lập theo mẫu thì bắt buộc phải sử dụng các mẫu đó.

III. Yêu cầu riêng với các tài liệu cụ thể

A. Bộ ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp

1. Ảnh chụp, bản vẽ phải rõ ràng, sắc nét; kiểu dáng công nghiệp phải được thể hiện bằng đường nét liền; màu nền của ảnh chụp, bản vẽ phải đồng nhất và tương phản với màu của kiểu dáng công nghiệp; trên ảnh chụp, bản vẽ chỉ được thể hiện sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ (không kèm theo sản phẩm khác), trừ trường hợp nêu tại các khoản 7 và 8 mục này, không chứa các chỉ dẫn của bản vẽ kỹ thuật hoặc các chỉ dẫn giải thích về kiểu dáng công nghiệp, trừ những chỉ dẫn ngắn gọn, cần thiết để chỉ mặt cắt, hình phóng to, trạng thái đóng, mở.

2. Ảnh chụp, bản vẽ phải thể hiện kiểu dáng công nghiệp theo cùng một tỷ lệ. Kích thước của kiểu dáng công nghiệp trong ảnh chụp, bản vẽ không được nhỏ hơn 90mm x 120mm và không được lớn hơn 190mm x 277mm.

3. Ảnh chụp, bản vẽ phải thể hiện kiểu dáng công nghiệp theo cùng một chiều và được đánh số lần lượt theo thứ tự: hình phối cảnh (ba chiều) của kiểu dáng công nghiệp, hình chiếu của kiểu dáng công nghiệp từ phía trước, từ phía sau, từ bên phải, từ bên trái, từ trên xuống, từ dưới lên; các hình chiếu phải được thể hiện chính diện.

4. Ảnh chụp hoặc hình chiếu trùng hoặc đối xứng với ảnh chụp hoặc hình chiếu đã có, ảnh chụp hoặc hình chiếu mặt đáy của các sản phẩm có kích thước và trọng lượng lớn, ảnh chụp hoặc hình chiếu bề mặt có chiều dày quá mỏng của kiểu dáng công nghiệp không cần phải có trong đơn, với điều kiện phải nêu rõ điều đó trong phần liệt kê ảnh chụp, bản vẽ thuộc bản mô tả.

5. Đối với kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm có thể khai triển được dưới dạng mặt phẳng (ví dụ hộp đựng, đồ bao gói v.v...), các hình chiếu của kiểu dáng công nghiệp có thể được thay thế bằng ảnh chụp, bản vẽ kiểu dáng công nghiệp ở trạng thái đã khai triển.

6. Tùy thuộc vào mức độ phức tạp của kiểu dáng công nghiệp, có thể cần phải có thêm ảnh chụp, bản vẽ phối cảnh từ các góc độ khác, mặt cắt, hình phóng to bộ phận, hình chi tiết rời hoặc bộ phận của sản phẩm, ảnh chụp hoặc bản vẽ minh họa

vị trí lắp đặt, sử dụng bộ phận trên sản phẩm hoàn chỉnh, nhằm làm rõ bản chất và các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp (mà không dùng để xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp của bộ phận đó).

7. Đối với kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm phức hợp, các ảnh chụp hoặc bản vẽ của từng bộ phận có thể được cung cấp nhưng chỉ nhằm mục đích minh họa mà không dùng để xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với kiểu dáng công nghiệp của bộ phận đó.

8. Các ảnh chụp hoặc bản vẽ phải thể hiện kiểu dáng công nghiệp ở cùng một trạng thái sử dụng được chọn; ảnh chụp hoặc bản vẽ thể hiện các trạng thái khác có thể được cung cấp để làm rõ bản chất của kiểu dáng công nghiệp.

9. Đối với đơn có nhiều phương án, phương án cơ bản phải được thể hiện đầu tiên. Mỗi phương án của kiểu dáng công nghiệp phải được thể hiện bằng bộ ảnh chụp, bản vẽ đầy đủ theo quy định tại mục này; ảnh chụp, bản vẽ phải được đánh số sao cho thể hiện được thứ tự của phương án tương ứng và thứ tự của ảnh chụp, bản vẽ đó trong phương án đó.

10. Đối với bộ sản phẩm phải có hình phối cảnh của cả bộ sản phẩm và bộ ảnh chụp, bản vẽ của từng sản phẩm trong bộ đó theo quy định tại mục này.

B. Mẫu nhãn hiệu

1. Mẫu nhãn hiệu phải được trình bày rõ ràng với kích thước của mỗi thành phần trong nhãn hiệu không lớn hơn 80mm và không nhỏ hơn 8mm, tổng thể nhãn hiệu phải được trình bày trong khuôn mẫu nhãn hiệu có kích thước 80mm x 80mm in trên tờ khai.

2. Đối với nhãn hiệu là hình ba chiều thì mẫu nhãn hiệu phải kèm theo ảnh chụp hoặc hình vẽ thể hiện hình phối cảnh và có thể kèm theo mẫu mô tả ở dạng hình chiếu.

3. Đối với nhãn hiệu có yêu cầu bảo hộ màu sắc thì mẫu nhãn hiệu phải được trình bày đúng màu sắc yêu cầu bảo hộ. Nếu không yêu cầu bảo hộ màu sắc thì mẫu nhãn hiệu phải được trình bày dưới dạng đen trắng.

4. Đối với nhãn hiệu là âm thanh thì mẫu nhãn hiệu phải là tệp âm thanh định dạng kỹ thuật số .MP3 với dung lượng không quá 3 MB và bản thể hiện dưới dạng đồ họa của âm thanh, cụ thể là được thể hiện bằng khuông nhạc 5 dòng kẻ.

IV. Các mẫu Tờ khai, phó bản/bản cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

1. Mẫu số 01: Tờ khai yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
2. Mẫu số 02: Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
3. Mẫu số 03: Tờ khai yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
4. Mẫu số 04: Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
5. Mẫu số 05: Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp
6. Mẫu số 06: Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
7. Mẫu số 07: Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
8. Mẫu số 08: Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp
9. Mẫu số 09: Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp
10. Mẫu số 10: Tờ khai yêu cầu cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
11. Mẫu số 11: Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
12. Mẫu số 12: Tờ khai yêu cầu cấp lại thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
13. Mẫu số 13: Tờ khai yêu cầu cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
14. Mẫu số 14: Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
15. Mẫu số 15: Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
16. Mẫu số 16: Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế
17. Mẫu số 17: Tờ khai đăng ký dự kiểm tra giám định sở hữu công nghiệp

-
18. Mẫu số 18: Phó bản/bản cấp lại bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích
 19. Mẫu số 19: Phó bản/bản cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
 20. Mẫu số 20: Phó bản/bản cấp lại bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp
 21. Mẫu số 21: Phó bản/bản cấp lại giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu
 22. Mẫu số 22: Phó bản/bản cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý
 23. Mẫu số 23: Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

Mẫu số 01

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

① NGƯỜI NỘP ĐƠN (Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp) Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email:	
② LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ ☐ Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí ☐ Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh	
③ PHÍ, LỆ PHÍ	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2^a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ ☐ Bản chính đề đổi chiếu ☐ 02 ảnh 3 x 4 (cm) ☐ Bản sao Chứng minh nhân dân (trường hợp không có thông tin về số Căn cước công dân tại mục 1 Tờ khai này). ☐ Bản chính đề đổi chiếu ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi đã hoàn thành kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp năm..... do tổ chức với kết quả Đạt. Tôi cam đoan đây là lần đầu tiên yêu cầu cấp mới chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên của người nộp đơn	



(Ảnh 3 x 4)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Số: /Năm-CCDD

Họ và tên:**Ngày sinh:****CCCD:****Địa chỉ thường trú:****Lĩnh vực hành nghề:**

Chữ ký của
 người được cấp Chứng chỉ

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**(Ký và đóng dấu)**

1. Chứng chỉ này được cấp theo Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm....., trên cơ sở khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ, Điều... Nghị định số...../2025/NĐ-CP.

2. Người được cấp Chứng chỉ này có quyền hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực hành nghề đã được ghi nhận và trong một tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, theo các quy định tại Chương XI Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Chứng chỉ này bị thu hồi trong trường hợp người được cấp Chứng chỉ:

- a) Không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ;
- b) Bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Chứng chỉ này thay thế cho Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN số..... do.... cấp (đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ hành nghề)

Mẫu số 03

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

①	NGƯỜI NỘP ĐƠN
(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân:	
Điện thoại:	
Email:	
Số chứng chỉ hành nghề:	
②	LÝ DO CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
☐ Chứng chỉ hành nghề bị mất, bị lỗi, bị hỏng ☐ Thông tin cá nhân của người đại diện thay đổi ☐ Lĩnh vực hành nghề của người đại diện thay đổi ☐ Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề	
③	PHÍ, LỆ PHÍ
Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Phí đăng bạ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ 02 ảnh 3 x 4 (cm) ☐ Bản sao Chứng minh nhân dân (trường hợp không có thông tin về số Căn cước công dân trong mục 1 Tờ khai này) đối với trường hợp thông tin trên Chứng chỉ hành nghề thay đổi. ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khai tại:..... ngày... tháng... năm... Chữ ký, họ tên của người nộp đơn	

Mẫu số 04

**TỜ KHAI
YÊU CẦU GHI NHẬN TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

①**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:

E-mail:

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

☐ Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

☐ Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

Người có Chứng chỉ hành nghề được tổ chức ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền):

Họ tên:

Số Chứng chỉ hành nghề:

Cơ quan cấp:

②**PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

③ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp ☐ Bản chính đề đổi chiếu ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)) ☐ Tài liệu khác: ...	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khai tại: ngày... tháng... năm... Chữ ký, họ tên người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

④ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Mẫu số 05

TỜ KHAI
YÊU CẦU GHI NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
CÔNG NGHIỆP

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:.....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp²

①**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân:

Điện thoại:

E-mail:

Số Chứng chỉ hành nghề:

Cơ quan cấp:

②**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

☐ Đề nghị ghi nhận vào tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Tên tổ chức:

Mã số đại diện:

③**PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp ☐ Bản chính đề đổi chiếu ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại:..... ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp đơn	

Mẫu số 06

**TỜ KHAI
YÊU CẦU GHI NHẬN
THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ
ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

ĐẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận sửa đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

①**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Mã số đại diện:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:

E-mail:

②**THÔNG TIN CẦN THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

☐ Tên tổ chức:

☐ Địa chỉ:

☐ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

☐ Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

☐ Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

☐ Người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức:

Họ tên:

Số Chứng chỉ:

Cơ quan cấp:

③**PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của Tổ chức, trừ trường hợp thông tin về mã số doanh nghiệp đã có trong mục 1 Tờ khai này (trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của Tổ chức) ☐ Bản chính để đối chiếu ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khai tại: ngày... tháng... năm... Chữ ký, họ tên người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Mẫu số 07

**TỜ KHAI
YÊU CẦU XÓA TÊN TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

①	NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu xóa tên)								
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Mã số đại diện: Điện thoại: E-mail:									
②	LÝ DO ĐỀ NGHỊ XÓA TÊN ☐ Từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp ☐ Không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp								
③	PHÍ, LỆ PHÍ <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 80%; text-align: center;">Loại phí, lệ phí</th> <th style="width: 20%; text-align: center;">Số tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>☐ Lệ phí đăng bạ quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	Loại phí, lệ phí	Số tiền	☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		☐ Lệ phí đăng bạ quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Loại phí, lệ phí	Số tiền								
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp									
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp									
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:									

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Tài liệu chứng minh tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Mẫu số 08

**TỜ KHAI
YÊU CẦU XÓA TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
CÔNG NGHIỆP**

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp²

①	NGƯỜI NỘP ĐƠN
(Người đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận xóa tên)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số Chứng chỉ hành nghề:	
Cơ quan cấp:	
Điện thoại: E-mail:	
②	LÝ DO ĐỀ NGHỊ XÓA TÊN
☐ Không còn hoạt động cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	
Tên tổ chức:	
Địa chỉ:	
Mã số đại diện (nếu có):	
③	PHÍ, LỆ PHÍ
Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa người đại diện sở hữu công nghiệp	
☐ Lệ phí đăng bạ quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ)):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (lệ phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn) ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp đơn	

Mẫu số 09

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây đề nghị được tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp²

①	NGƯỜI NỘP ĐƠN (Cá nhân đề nghị tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp)
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email:	
②	LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA
☐ Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí ☐ Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh	
③	PHÍ, LỆ PHÍ
	Loại phí, lệ phí
Số tiền	
☐ Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (theo môn)	
☐ Môn số 1:	
☐ Môn số 2:	
☐ Môn số 3:	
☐ Môn số 4:	
☐ Môn số 5:	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ):	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận.

² Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương ☐ Bản chính để đối chiếu ☐ Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo về pháp luật sở hữu công nghiệp ☐ Bản chính để đối chiếu ☐ Tài liệu chứng minh 05 năm liên tục làm công tác sở hữu công nghiệp: ☐ Bản sao Quyết định tuyển dụng (☐ Bản chính để đối chiếu) ☐ Bản sao Hợp đồng lao động (☐ Bản chính để đối chiếu) ☐ Tài liệu khác (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác) ☐ 02 ảnh 3 x 4 (cm) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
--	--

⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <i>Khai tại: ngày... tháng... năm...</i> Chữ ký, họ tên người nộp đơn

⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN

Tôi đã hoàn thành kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp năm.....
do..... tổ chức với kết quả Đạt.

Tôi cam đoan đây là lần đầu tiên yêu cầu cấp mới thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp. Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày... tháng... năm...

Chữ ký, họ tên người nộ đơn

Mẫu số 11

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**
Số: /Năm-TGDV

(Ảnh 3 x 4)

Chữ ký của
người được cấp Thẻ**Họ và tên:**
Ngày sinh:
Số CCCD:
Địa chỉ thường trú:
Chuyên ngành giám định:**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký và đóng dấu)

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số .../QĐ-... ngày... tháng... năm... của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định sở hữu công nghiệp theo chuyên ngành giám định đã được ghi nhận và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có chứng cứ khẳng định Thẻ được cấp trái với quy định pháp luật;
 - b) Người được cấp Thẻ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
 - c) Người được cấp Thẻ bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Người được cấp Thẻ từ bỏ hoạt động giám định.
4. Thẻ này thay thế cho Thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp số..... do.... cấp (đối với trường hợp cấp lại thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp)

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	DẤU NHẬN ĐƠN <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
Kính gửi ¹ : Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp ²	
① NGƯỜI NỘP ĐƠN (Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email: Số Thẻ giám định viên: Cơ quan cấp:	
② LÝ DO CẤP LẠI THẺ ☐ Thẻ bị mất ☐ Thẻ bị lỗi ☐ Thẻ bị hỏng ☐ Thông tin cá nhân ghi nhận trong Thẻ thay đổi: ☐ Bổ sung chuyên ngành giám định:	
③ PHÍ, LỆ PHÍ	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
☐ Phí, lệ phí khác:	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ)):	
④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN ☐ Tờ khai theo mẫu ☐ Bản sao Chứng minh nhân dân, trừ trường hợp số Căn cước công dân đã có trong mục 1 Tờ khai này (trong trường hợp có sự thay đổi thông tin trong Thẻ giám định) ☐ Bản chính để đối chiếu ☐ 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ))	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; Trường hợp yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Thẻ.

⑤

CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày... tháng... năm...

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

TỜ KHAI CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP/ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Kính gửi ¹ : Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp phó bản/cấp lại ²	ĐẤU NHẬN ĐƠN <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
① NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản/cấp lại) Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email:	
② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN ☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn ☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn ☐ là người khác được ủy quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: Email: Mã số đại diện:	
③ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI ☐ Bằng độc quyền sáng chế ☐ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích ☐ Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn ☐ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp ☐ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ☐ Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý ☐ Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Số văn bằng bảo hộ: Số Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:
④ NỘI DUNG YÊU CẦU ☐ Cấp phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (cho đồng chủ sở hữu chung) ☐ Cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (số lần đã được cấp:.....) ☐ Cấp lại phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (Phó bản số:..... số lần đã được cấp:.....) Lý do xin cấp lại: ☐ Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị mất ☐ Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) ☐ Lý do khác	

¹ Tên cơ quan quản tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu “x” vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

Cán bộ nhận đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	DẤU NHẬN ĐƠN <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
Kính gửi ¹ : Người nộp đơn dưới đây yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp ²	
① NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển quyền sử dụng) Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email: ☐ là bên chuyển quyền sử dụng ☐ là bên nhận chuyển quyền sử dụng	
② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN ☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn ☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn ☐ là người khác được ủy quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: Email:	
③ ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG ☐ Bằng độc quyền sáng chế ☐ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích ☐ Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn ☐ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp ☐ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Số văn bằng bảo hộ:
④ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN) Tên đầy đủ: Số căn cước công dân: Địa chỉ: Điện thoại: Email:	

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑧ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

⑤	PHẠM VI CHUYỂN GIAO
Lãnh thổ chuyển giao: Thời hạn chuyển giao:	
⑥	PHÍ, LỆ PHÍ
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí
☐ Phí thẩm định hồ sơ đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (chuyển quyền sử dụng)	... hợp đồng
☐ Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng
☐ Phí đăng bạ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	... hợp đồng
☐ Phí công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	quyết định
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)):	
⑦ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn)
☐ Tờ khai, gồm..... trang ☐ Hợp đồng chuyển quyền sử dụng, bằng tiếng... gồm... trang ☐ ... Bản gốc ☐ ... Bản sao ☐ Bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt, gồm..... trang ☐ Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu (trong trường hợp đối tượng chuyển giao thuộc sở hữu chung), gồm..... trang ☐ Văn bản ủy quyền bằng tiếng..... ☐ bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang ☐ bản gốc ☐ bản sao (☐ bản gốc sẽ nộp sau ☐ bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)) ☐ Tài liệu khác, cụ thể:	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên) ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
⑧	CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.	
Khai tại:..... ngày... tháng... năm... Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)	

TỜ KHAI
YÊU CẦU GHI NHẬN VIỆC SỬA ĐỔI NỘI DUNG/
GIA HẠN/CHẤM DỨT HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG
CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp²

①

NGƯỜI NỘP ĐƠN

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

☐ là bên chuyển quyền sử dụng

☐ là bên nhận chuyển quyền sử dụng

②

ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn

☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn

Mã số đại diện:

☐ là người khác được ủy quyền của người nộp đơn

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

③

NỘI DUNG YÊU CẦU

☐ Sửa đổi tên, địa chỉ của: ☐ Bên chuyển quyền

☐ Bên nhận chuyển quyền

☐ Sửa đổi, bổ sung điều khoản trong hợp đồng

☐ ... văn bằng bảo hộ liên quan đến nội dung sửa đổi

☐ Gia hạn hợp đồng

☐ Chấm dứt hiệu lực hợp đồng

④ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Số Giấy chứng nhận:

Ngày cấp:

¹ Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

² Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑧ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

⑤ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)		
Tên đầy đủ: _____ Số căn cước công dân: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Email: _____		
⑥ PHÍ, LỆ PHÍ		
Loại phí , lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi/gia hạn/chấm dứt thời hạn hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng		
☐ sửa đổi phạm vi chuyển giao, kéo dài thời hạn hợp đồng	... văn bằng bảo hộ	
☐ sửa đổi khác, bao gồm cả chấm dứt hiệu lực hợp đồng trước thời hạn	hợp đồng	
☐ Phí đăng bạ quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	... văn bằng bảo hộ	
☐ Phí công bố quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	quyết định	
Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)):		
⑦ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN		KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
☐ Tờ khai, gồm..... trang	☐	Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
☐ Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng (trường hợp sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực hợp đồng)	☐	
☐ Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng	☐	
☐ Thỏa thuận, tài liệu ghi nhận các điều khoản cụ thể cần sửa đổi bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng	☐	
☐ Văn bản ủy quyền bằng tiếng.....	☐	
☐ bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang	☐	
☐ bản gốc	☐	
☐ bản sao (☐ bản gốc sẽ nộp sau	☐	
☐ bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	☐	
☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (phí đăng bạ và công bố)):	☐	
☐ Tài liệu khác, cụ thể:		

⑧

CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Mẫu số 16

**TỜ KHAI
YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO
QUYỀN SỬ DỤNG SÁNG CHẾ****DẤU NHẬN ĐƠN**
(Dành cho cán bộ nhận đơn)Kính gửi¹:Người nộp đơn dưới đây đề nghị bắt buộc chuyển
giao quyền sử dụng sáng chế²

①	NGƯỜI NỘP ĐƠN (Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sử dụng sáng chế) Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân: Điện thoại: Email:
②	ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN ☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn ☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn Mã số đại diện: ☐ là người khác được ủy quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: Email:
③	ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO Tên sáng chế: Số văn bằng bảo hộ: Ngày cấp:
④	CHỦ SỞ HỮU VĂN BẰNG BẢO HỘ Tên đầy đủ: Số căn cước công dân (nếu có): Điện thoại: Email:

¹ Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.² Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.**⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN**

Mẫu số 17

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ
GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

DẤU NHẬN ĐƠN
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi¹:

Người nộp đơn dưới đây đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp²

①**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân đề nghị tham dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

②**CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA**☐ Sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn☐ Kiểu dáng công nghiệp☐ Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý☐ Các quyền sở hữu công nghiệp khác**③****PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
☐ Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (theo môn)	
☐ Môn:	
☐ Môn:	
☐ Môn:	
☐ Môn:	
Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ):	

¹ Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

² Trong Tờ khai này, người đăng ký đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN		KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn)
☐ Tờ khai theo mẫu	☐	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
☐ Bản sao văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học	☐	
☐ Chuyên ngành kỹ thuật; khoa học vật lý, hóa học, sinh học	☐	
☐ Chuyên ngành khác	☐	
☐ Bản gốc đề đối chiếu	☐	
☐ Bản sao Quyết định tuyển dụng (hoặc hợp đồng lao động) và tài liệu xác nhận thực tế hoạt động chuyên môn	☐	
☐ Bản gốc đề đối chiếu	☐	
☐ 02 ảnh 3 x 4 (cm)	☐	
☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (nếu nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ)	☐	

⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN

Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ngày... tháng... năm...

Chữ ký, họ tên người nộp đơn

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
VĂN BẰNG BẢO HỘ)

BẰNG ĐỘC QUYỀN.....¹

Số:

(Phó bản/Bản cấp lại)

Tên sáng chế:

Chủ Bằng độc quyền²:

Tác giả³:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:

Số điểm yêu cầu bảo hộ:

Số trang mô tả:

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết ... năm tính từ ngày nộp đơn.

Sáng chế nêu trên là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: “.....”; Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có):; Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:.....⁴

Bản gốc được cấp theo Quyết định số: ngày..... của [cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp]

Phó bản/Bản cấp lại được cấp theo Quyết định số: ngày:..... của [cơ quan có thẩm quyền cấp phó bản/cấp lại]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Ghi rõ “Bằng độc quyền sáng chế” hoặc “Bằng độc quyền giải pháp hữu ích”.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Bằng độc quyền. Trường hợp có nhiều chủ Bằng độc quyền thì chủ Bằng độc quyền nêu tại mục này là tổ chức, cá nhân đầu tiên trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

³ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả. Trường hợp có nhiều tác giả thì tác giả nêu tại mục này là tác giả đầu tiên trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

⁴ Thông tin này sẽ hiển thị trong trường hợp sáng chế nêu trên là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

(Quốc huy)

(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)

(11) Mã vạch/Số bằng

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ

(51) Phân loại sáng chế quốc tế

(13) Công báo B

Chủ Bằng độc quyền khác¹:

Tác giả khác²:

Duy trì hiệu lực:

Sửa đổi:

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Bằng độc quyền khác theo thứ tự trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả khác theo thứ tự trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI GIẤY
CHỨNG NHẬN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN**

Số:

(Phó bản/Bản cấp lại)

Tên thiết kế bố trí:

Chủ Giấy chứng nhận¹:

Tác giả²:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:

Có hiệu lực từ ngày cấp và chấm dứt vào ngày:.....

*Thiết kế bố trí này là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng
ngân sách nhà nước: “.....”; Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ
(nếu có):; Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:.....³.*

Bản gốc được cấp theo Quyết định số: ngày..... của [cơ quan quản lý nhà
nước về sở hữu công nghiệp]

Phó bản/Bản cấp lại được cấp theo Quyết định số: ngày:..... của [cơ quan có
thẩm quyền cấp phó bản/cấp lại]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận. Trường hợp có nhiều chủ Giấy chứng nhận thì chủ Giấy chứng nhận nêu tại mục này là tổ chức, cá nhân đầu tiên trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả. Trường hợp có nhiều tác giả thì tác giả nêu tại mục này là tác giả đầu tiên trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

³ Thông tin này sẽ hiển thị trong trường hợp thiết kế bố trí này là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

(Quốc huy)

(12) **BẢN MÔ TẢ THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN**

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)** (11) Mã vạch/Số giấy chứng nhận

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN

(13) Công báo B

Chủ Giấy chứng nhận khác¹:

Tác giả khác²:

Sửa đổi:

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận khác theo thứ tự trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả khác theo thứ tự trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẰNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Số:

(Phó bản/Bản cấp lại)

Tên kiểu dáng công nghiệp:

Chủ Bằng độc quyền¹:

Tác giả²:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:

Số phương án:

Số ảnh chụp/bản vẽ:

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 5 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

Kiểu dáng công nghiệp này là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước: “.....”; Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có):; Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:.....³.

Bản gốc được cấp theo Quyết định số: ngày..... của [cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp]

Phó bản/Bản cấp lại được cấp theo Quyết định số: ngày:..... của [cơ quan có thẩm quyền cấp phó bản/cấp lại]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Bằng độc quyền. Trường hợp có nhiều chủ Bằng độc quyền thì chủ Bằng độc quyền nêu tại mục này là tổ chức, cá nhân đầu tiên trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả. Trường hợp có nhiều tác giả thì tác giả nêu tại mục này là tác giả đầu tiên trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

³ Thông tin này sẽ hiển thị trong trường hợp kiểu dáng công nghiệp này là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

BẢNG ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP SỐ:**Chủ Bảng độc quyền khác¹:****Tác giả khác²:****Ảnh chụp/bản vẽ kiểu dáng công nghiệp:****Sửa đổi, gia hạn:**

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Bảng độc quyền khác theo thứ tự trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

² Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của tác giả khác theo thứ tự trong danh sách các tác giả do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
PHÓ BẢN/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**

Số:

(Phó bản/Bản cấp lại)

Chủ Giấy chứng nhận¹:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:

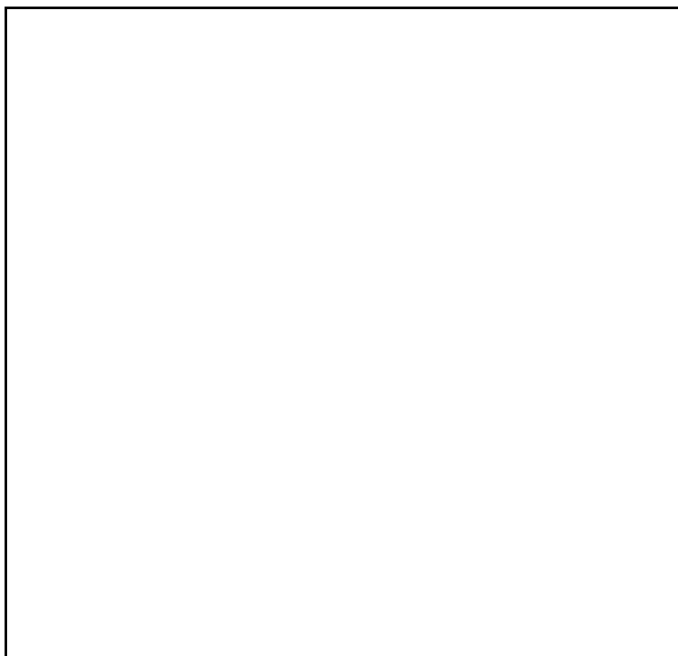
Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

Bản gốc được cấp theo Quyết định số: ngày..... của [cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp]

Phó bản/Bản cấp lại được cấp theo Quyết định số: ngày:..... của [cơ quan có thẩm quyền cấp phó bản/cấp lại]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận. Trường hợp có nhiều chủ Giấy chứng nhận thì chủ Giấy chứng nhận nêu tại mục này là tổ chức, cá nhân đầu tiên trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ:**Mẫu nhãn hiệu:****Màu sắc nhãn hiệu:****Loại nhãn hiệu:****Nội dung khác:****Danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu:****Chủ Giấy chứng nhận khác¹:****Gia hạn:****Sửa đổi:**

¹ Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận khác theo thứ tự trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
PHÓ BẢN/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ**

Số:

(Phó bản/Bản cấp lại)

Chỉ dẫn địa lý:

Người đăng ký:

Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý:

Địa chỉ tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:

Có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày ký Quyết định.

Bản gốc được cấp theo Quyết định số: ngày..... của [cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp]

Phó bản/Bản cấp lại được cấp theo Quyết định số: ngày:..... của [cơ quan có thẩm quyền cấp phó bản/cấp lại]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ SỐ:**Chỉ dẫn địa lý:****Tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý:****Tính chất đặc thù về điều kiện địa lý:****Khu vực mang chỉ dẫn địa lý:****Sửa đổi, bổ sung:**

Mẫu số 23

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG
ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Số: .../ĐKHĐSD**

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]

Căn cứ đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

Số đơn:

Ngày nộp đơn:, ngày sửa đổi, bổ sung:

Người nộp đơn:.....

Đại diện của người nộp đơn:.....

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng sau đây được đăng ký tại [Tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận] theo Quyết định số ngày tháng năm

Tên Hợp đồng:, ký ngày Bản gốc gồm..... trang, bằng tiếng....., trong đó có..... trang Phụ lục.

Dạng hợp đồng:

Bên chuyển quyền:

Bên nhận chuyển quyền:

Đối tượng chuyển quyền: quyền sử dụng [đối tượng SHCN] đang được bảo hộ theo [văn bằng bảo hộ], cấp ngày.... (hoặc: các [văn bằng bảo hộ] tương ứng được liệt kê tại Danh sách kèm theo)

Phạm vi chuyển quyền: [lãnh thổ].

Thời hạn chuyển quyền: từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...

Giá chuyển quyền:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 827 + 828)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.44243
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>